##### <Guest> Register

**Use Case Diagram**

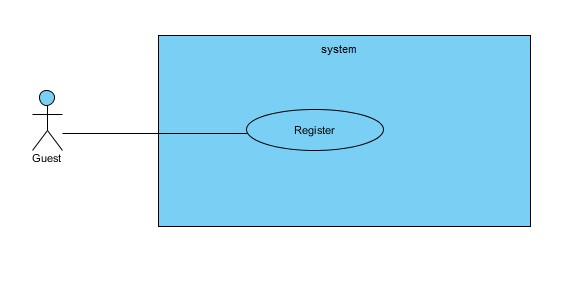


Figure ??: <Guest> Register

**Use Case Specification**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – REGISTER** | | | | |
| **Use-case No.** | UC001 | **Use-case Version** | | 2.0 |
| **Use-case Name** | Register | | | |
| **Author** | Trương Tiến Thành | | | |
| **Date** | 20/07/2015 | **Priority** | Normal | |
| **Actor:**   * Guest.   **Summary:**   * This use case allows guest create account.   **Goal:**   * Help guest to create new account.   **Trigger:**   * Click “Đăng ký” button.   **Pre-conditions:**   * N/A.   **Post conditions:**   * **Success**: The new account will be added into database. * **Failure**: Cannot create account. System displays error message.   **Main Success Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Step | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Đăng ký” button. | System show [Register popup], contain a register form:   * Tên đăng nhập (\*): Textbox (min length: 3, max length: 50).   [Exception 1, 9, 10]   * Mật khẩu (\*): Password Filed (min length: 8, max length: 20).   [Exception 2, 10]   * E-mail (\*): Textbox (max length: 30).   In e-mail format.  [Exception 3, 10]   * Xưng hô: drop-down list. * Họ và tên (\*): Textbox (min length: 6, max length: 50).   [Exception 4, 10]   * Công ty: Textbox (max length: 50).   [Exception 5]   * Số điện thoại (\*): Textbox (min length: 10, max length: 10).   In format: /^[0-9]\*$/  [Exception 6, 10]   * Địa chỉ: Textbox (max length: 100).   [Exception 7]   * Ngày sinh: Date time picker.   [Exception 8]   * Captcha: Checkbox. * Đăng ký: Button. * Hủy: Button. | | 2 | Input information.  Clicks “Đăng ký” button. | Close [Register popup] and displays message:”Đăng kí thành công. Mời đăng nhập và kiểm tra email để hoàn tất đăng kí”. |   **Alternative Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Actor Action | System Response | | 1 | Click on the “Hủy” button. | Close [Register popup]. |   **Exceptions:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | | 1 | “Tên đăng nhập” is less than 3 or more than 50 characters. | Display error message “Nhập ít nhất 3 ký tự” or “Số ký tự tối đa là 50”. | | 2 | “Mật khẩu” is less than 8 or more than 20 characters. | Display error message “Nhập ít nhất 8 ký tự” or “Số ký tự tối đa là 20”. | | 3 | “E-mail” is more than 30 characters. | Display error message “Số ký tự tối đa là 30”. | | 4 | “Họ và tên” is less than 6 or more than 50 characters. | Display error message “Nhập ít nhất 6 ký tự” or “Số ký tự tối đa là 50”. | | 5 | “Công ty” is more than 50 characters. | Display error message “Số ký tự tối đa là 50”. | | 6 | “Số điện thoại” is not a number or less than 10 numbers or greater than 11 numbers. | Display error message “Nhập ít nhất 10 ký tự” or “Số ký tự tối đa là 11”. | | 7 | “Địa chỉ” is greater than 100 characters. | Display error message “Số ký tự tối đa là 100”. | | 8 | “Ngày sinh” is invalid. | Display error message “Ngày không hợp lệ”. | | 9 | “Tên đăng nhập” exist in database. | Display message “Tên đăng nhập đã được sử dụng. Hãy chọn tên khác”. | | 10 | “Tên đăng nhập”, “Mật khẩu”, “E-mail”, “Họ và tên”, “Số điện thoại” are empty. | Display error message “Bắt buộc”. |   **Relationships:** N/A.  **Business Rules**:   * The role of new created account is “Customer” and status is “Normal”. * Username must be different from existed username in system. | | | | |

Table ??: <Guest> Register

##### <Customer> View customer info

**Use Case Diagram**

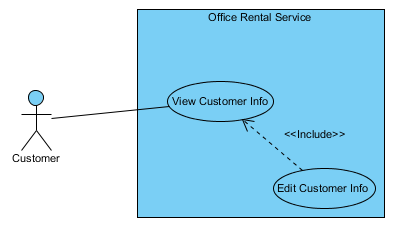


Figure ??: <Customer> View customer info

**Use Case Specification**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – VIEW CUSTOMER INFO** | | | | |
| **Use-case No.** | UC002 | **Use-case Version** | | 2.0 |
| **Use-case Name** | View Customer Info | | | |
| **Author** | Trương Tiến Thành | | | |
| **Date** | 20/07/2015 | **Priority** | Normal | |
| **Actor:**   * Customer.   **Summary:**   * This use case allows customer view customer information.   **Goal:**   * Show successful customer information.   **Triggers:**   * Click “Thông tin cá nhân” in drop-down menu.   **Preconditions:**   * Customer must be login.   **Post Conditions:**   * **Success**: Customer information is showed successfully. * **Fail:** Cannot view customer information.   **Main Success Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Step | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Thông tin cá nhân” in drop-down menu. | Show customer information.  Display customer details includes:   * Xưng hô: Text * Họ và tên: Text * Công ty: Text * Số điện thoại: Text * Địa chỉ: Text * Ngày sinh: Text * Sửa thông tin: Button * Sửa mật khẩu: Button |   **Alternative Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Exceptions:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Relationships:** Edit Customer Info.  **Business Rules:**   * Customer information must exist in database. | | | | |

Table ??: <Customer> View customer info

##### <Customer> Create appointment request

**Use Case Diagram**

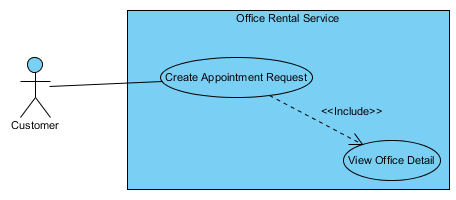


Figure ??: <Customer> Create appointment request

**Use Case Specification**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – CREATE APPOINTMENT REQUEST** | | | | |
| **Use-case No.** | UC003 | **Use-case Version** | | 2.0 |
| **Use-case Name** | Create appointment request | | | |
| **Author** | Trương Tiến Thành | | | |
| **Date** | 20/07/2015 | **Priority** | Normal | |
| **Actor:**   * Customer.   **Summary:**   * This use case allows customer request appointment.   **Goal:**   * Customer can request appointment after they found suitable office.   **Trigger:**   * After choosing suitable office, click “Gửi yêu cầu”. * Input time and click “Đặt lịch hẹn”.   **Pre-conditions:**   * User must log in the system with Customer role.   **Post conditions:**   * **Success:** Request appointment successful. * **Fail:** Show message error and show which information error.   **Main Success Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Step | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Gửi yêu cầu” button. | Redirect to [Request office page], contain:   * Thời gian [?]: Date time picker. * Đặt lịch hẹn: Button.   [Exception 1]   * Hủy: Button. | | 2 | Input date and time.  Click “Đặt lịch hẹn” button. | Return to [Detail office page] and displays message:”Đặt lịch hẹn thành công”. |   **Alternative Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Hủy” button. | Return to [Detail office page]. |   **Exceptions:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Actor action | System Response | | 1 | “Thời gian” is empty | Displays error message:”Không thành công. Có lỗi xảy ra, xin thử lại”. |   **Relationships:** View office detail.  **Business Rules**:   * Customer can request appointment which offices have status available. * Valid time from 8 am to 6 pm. * Valid date from Monday to Friday. | | | | |

Table ??: <Customer> Create appointment request

##### <Customer> View rental request list

**Use Case Diagram**

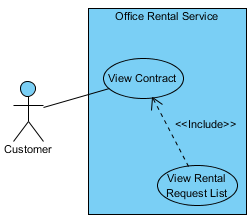


Figure ??: <Customer> View rental request list

**Use Case Specification**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – VIEW RENTAL REQUEST LIST** | | | | |
| **Use-case No.** | UC004 | **Use-case Version** | | 2.0 |
| **Use-case Name** | View Rental Request List | | | |
| **Author** | Trương Tiến Thành | | | |
| **Date** | 20/07/2015 | **Priority** | Normal | |
| **Actor:**   * Customer.   **Summary:**   * This use case allows customer view list rental request.   **Goal:**   * Show successful information about request rental of customer.   **Triggers:**   * Click “Hợp đồng của bạn” in menu bar. * Then click “Danh sách thuê thiết bị”.   **Preconditions:**   * Customer must be login. * At least there is one contract and one request rental of customer.   **Post Conditions:**   * **Success**: List request rental is showed successfully. * **Fail:** Cannot view list rental request.   **Main Success Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Step | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Danh sách thuê thiết bị” on the screen. | Show list rental request information, includes:   * Tên thiết bị: Text. * Mô tả: Text. * Ngày tạo: Text. * Trạng thái: Text. * Ngày giao thiết bị: Text. |   **Alternative Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Exceptions:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Relationships:** View Contract.  **Business Rules:**   * Only show request has status “Đang xử lý” and “Chờ khách hàng xác nhận”. | | | | |

Table ??: <Customer> View rental request list

##### <Customer> View repair request list

**Use Case Diagram**

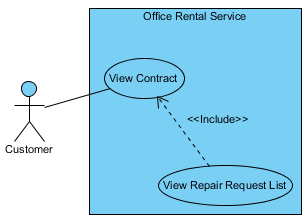


Figure ??: <Customer> View repair request list

**Use Case Specification**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – VIEW REPAIR REQUEST LIST** | | | | |
| **Use-case No.** | UC005 | **Use-case Version** | | 2.0 |
| **Use-case Name** | View Repair Request List | | | |
| **Author** | Trương Tiến Thành | | | |
| **Date** | 20/07/2015 | **Priority** | Normal | |
| **Actor:**   * Customer.   **Summary:**   * This use case allows customer view list repair request.   **Goal:**   * Show successful information about request repair of customer.   **Triggers:**   * Click “Hợp đồng của bạn” in menu bar. * Then click “Danh sách sửa chữa”.   **Preconditions:**   * Customer must be login. * At least there is one contract and one request repair of customer.   **Post Conditions:**   * **Success**: List request repair is showed successfully. * **Fail:** Cannot view list repair request.   **Main Success Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Step | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Danh sách sửa chữa” on the screen. | Show list repair request information, includes:   * Mô tả: Text. * Ngày tạo: Text. * Tìng trạng: Text. * Ngày đã sửa chữa: Text. * Lịch sử sữa chửa. |   **Alternative Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Exceptions:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Relationships:** View Contract.  **Business Rules:**   * Only show request has status “Đang xử lý” and “Chờ khách hàng xác nhận”. | | | | |

Table ??: <Customer> View repair request list

##### <Customer> Request extend contract

**Use Case Diagram**

Figure ??: <Customer> Request extend contract

**Use Case Specification**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – REQUEST EXTEND CONTRACT** | | | | |
| **Use-case No.** | UC006 | **Use-case Version** | | 2.0 |
| **Use-case Name** | Request extend contract | | | |
| **Author** | Trương Tiến Thành | | | |
| **Date** | 20/07/2015 | **Priority** | Normal | |
| **Actor:**   * Customer.   **Summary:**   * This use case allows customer request extend the contract.   **Goal:**   * Customer can request extend the contract if they want to continue hiring.   **Triggers:**   * Click “Hợp đồng của bạn” in menu bar. * Click “Xem chi tiết”. * Then click link “Gia hạn”   **Preconditions:**   * Customer must be login. * Customer at least has one contract.   **Post Conditions:**   * **Success**: List request repair is showed successfully. * **Fail:** Cannot view list repair request.   **Main Success Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Step | Actor Action | System Response | | 1 | Click “Danh sách sửa chữa” on the screen. | Show list repair request information, includes:   * Mô tả: Text. * Ngày tạo: Text. * Tìng trạng: Text. * Ngày đã sửa chữa: Text. * Lịch sử sữa chửa. |   **Alternative Scenario:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Exceptions:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | No. | Actor Action | System Response | |  |  |  |   **Relationships:** View Contract.  **Business Rules:**   * Only show request has status “Đang xử lý” and “Chờ khách hàng xác nhận”. | | | | |

Table ??: <Customer> View repair request list